

Bước ngoặt nhận thức trong Nghị quyết 68 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

Ngày nhận bài: 07/04/2026 | Ngày phản biện: 13/04/2026 | Ngày xuất bản: 21/05/2026

Tác giả: Nguyễn Vũ Lê (Trường Đại học Thăng Long)

Tóm tắt: Bài viết điểm lại quá trình phát triển nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề kinh tế tư nhân thể hiện qua các Nghị quyết Đại hội Đảng, bắt đầu từ Đại hội lần thứ VI, để thấy kinh tế tư nhân - từ một thành phần kinh tế bị coi nhẹ, cần phải cải tạo và xóa bỏ trên con đường xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa (XHCN), đã dần dần được coi trọng và nhìn nhận ngày càng đầy đủ về vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Đỉnh cao của sự phát triển nhận thức, cũng đồng thời là bước ngoặt lớn trong lý luận kinh tế của Đảng hiện nay thể hiện ở việc coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất đối với toàn bộ nền kinh tế quốc gia, được khẳng định trong Nghị quyết 68 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, ban hành ngày 04/05/2025. Những quan điểm cơ bản của Nghị quyết 68 không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn trở thành định hướng chỉ đạo hành động thực tiễn nhằm xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN ở Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam đang kỳ vọng hướng tới kỷ nguyên vươn mình, đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới, xây dựng cuộc sống thật sự ấm no, hạnh phúc cho hơn một trăm triệu người dân, Nghị quyết 68 ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị giống như một làn gió lành thổi luồng sinh khí mới vào nền kinh tế đang chuyển đổi bằng chính nội lực của mình kết hợp với sức mạnh to lớn đến từ quá trình hội nhập quốc tế sôi động, hứa hẹn những kỳ tích của đất nước mang tầm khu vực và quốc tế.

Dưới góc độ phân tích lịch sử, cần thiết phải tập trung làm rõ quá trình chuyển biến nhận thức về kinh tế tư nhân qua các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội lần thứ VI đến Đại hội lần thứ XIV đã đưa tới bước ngoặt về vai trò động lực của kinh tế tư nhân trong sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc gia. Đồng thời, trên cơ sở bước ngoặt nhận thức này, vấn đề cấp bách hiện nay là phải có những hành động thực tế quyết liệt từ cả các doanh nghiệp - chủ thể của khu vực kinh tế tư nhân lẫn Nhà nước - tác nhân bảo đảm vai trò điều tiết vĩ mô, vừa tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, vừa là người trợ giúp đắc lực về mọi mặt cho sự phát triển của kinh tế tư nhân. Những cố gắng này đều nhằm hướng tới việc đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng lần thứ XIV đã đề ra cho giai đoạn đến 2030, tầm nhìn 2045.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính giúp làm rõ các vấn đề về nội dung cơ bản của Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2045 thông qua việc mô tả khái quát quá trình phát triển nhận thức của Đảng về vấn đề này trong khoảng thời gian từ Đại hội lần thứ 3 (1960) đến nay. Việc nghiên cứu theo cách tiếp cận này có thể mang lại giá trị nhìn nhận nội dung vấn đề phát triển kinh tế tư nhân trong tổng thể quá trình phát triển lý luận chung cũng như lý luận kinh tế nói riêng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chứ không phải một Nghị quyết ra đời độc lập chỉ để giải quyết một vấn đề cụ thể trước mắt.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Phân tích, tổng hợp tài liệu, chủ yếu là các tác phẩm kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin và các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các quan điểm liên quan đến vấn đề nghiên cứu của các nhà kinh điển tập trung trong tác phẩm Lênin toàn tập được xuất bản mới nhất (2005), đặc biệt là những quan điểm liên quan đến thành phần kinh tế tư nhân, trong đó nổi bật là thành phần kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ của nông dân và thợ thủ công, cũng như thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa tồn tại ở nước Nga trong thời kỳ áp dụng Chính sách kinh tế mới (NEP) khoảng 1921 - 1924. Bằng cách nêu bật hai mặt của vấn đề: ảnh hưởng tiêu cực và tác động tích cực của kinh tế tư nhân từ chính quan điểm của V.I.Lênin, nghiên cứu muốn rút ra bài học cho việc đánh giá vai trò của kinh tế tư nhân áp dụng cho hoàn cảnh Việt Nam.

Đối với các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, nghiên cứu tổng hợp các quan điểm đánh giá vai trò của kinh tế tư nhân thể hiện trong các văn kiện chính thức của Đảng qua các kỳ Đại hội từ 1960 tới nay để làm rõ sự phát triển ngày càng đầy đủ, chính xác và khoa học trong nhận thức của Đảng, sự hoàn thiện dần dần của quan điểm đề cao vai trò của kinh tế tư nhân dẫn tới coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất như trong Nghị quyết 68 năm 2025 của Bộ Chính trị. Phương pháp nghiên cứu này có ưu điểm là làm nổi bật được mục đích, ý đồ nghiên cứu, những nội dung chính mà nghiên cứu dự kiến làm rõ, song cũng có hạn chế bởi nó phụ thuộc vào quan điểm chủ quan cũng như năng lực tổng hợp, khái quát của người viết. Tuy vậy, trong phạm vi giới hạn của vấn đề cụ thể này, có thể xem đây là phương pháp nghiên cứu phù hợp nhất.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Lịch sử vấn đề nhận thức về kinh tế tư nhân ở các nước XHCN

Đã từ lâu, các nước theo thể chế chính trị do Đảng cộng sản lãnh đạo và xác định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) với một nền kinh tế dựa trên cơ sở công hữu về tư liệu sản xuất và coi kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo đều luôn gặp phải thách thức ứng xử như thế nào đối với kinh tế tư nhân - một thực thể luôn tồn tại trong bất kỳ chế độ kinh tế nào. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, CNXH đã không còn là một thực thể ở Liên Xô và một vài nước riêng lẻ, mà trở thành một hệ thống thế giới bao gồm 14 nước trải dài từ châu Á đến châu Âu và châu Mỹ, có sức mạnh và vai trò không thể phủ nhận. Bắt đầu từ Liên Xô, và với trung tâm là Liên Xô, thái độ đối với kinh tế tư nhân về cơ bản là một thái độ tiêu cực, bởi nó được nhìn nhận là đối lập với kinh tế nhà nước ở chính nền tảng sở hữu tư liệu sản xuất (TLSX) căn bản. Kinh tế tư nhân luôn bị nhìn nhận là tàn dư của xã hội cũ, gắn chặt với và bị chi phối bởi kinh tế tư bản mà sự phát triển của nó bị xem là nguy cơ đe dọa kinh tế XHCN, phần nào có thể vì những người cộng sản luôn bị ám ảnh bởi quan điểm này của Lênin: "Chính nhờ có tự do buôn bán đến một mức nào đó... mà giai cấp tiểu tư sản và chủ nghĩa tư bản có thể phục hồi lại. Đó là điều không thể chối cãi được" (V.I.Lênin, 2005). Mặc dù vai trò của

kinh tế tư nhân, thậm chí của cả kinh tế tư bản chủ nghĩa đã có lúc được đề cao trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới của Lênin (NEP) những năm 1921 - 1924, nhìn chung kinh tế tư nhân vẫn không được coi trọng thật sự. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, các thành phần của kinh tế tư nhân, dù được thừa nhận tồn tại trong nền kinh tế chung, vẫn phải phụ thuộc và chịu sự kiểm soát chặt chẽ của nhà nước, nhằm mục đích hướng sự phát triển của nó theo con đường của kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước, tức là thủ tiêu sự tồn tại của chúng với tư cách là những thành phần kinh tế độc lập. Đặc biệt, thành phần kinh tế tư bản tư nhân luôn bị coi là thành phần có nguy cơ làm chệch hướng con đường XHCN nên trở thành đối tượng cần phải được cải tạo trước hết. Vì vậy, ngay trong thời kỳ chủ trương thực hiện Chính sách kinh tế mới, Lênin vẫn không quên nhắc nhở những người cộng sản: "Tất cả vấn đề - về lý luận cũng như thực tiễn - là tìm ra những phương pháp đúng giúp ta hướng sự phát triển không thể tránh được (đến một trình độ nào đó và trong một thời gian nào đó) của chủ nghĩa tư bản vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước; là đặt ra những điều kiện cần thiết cho công việc ấy và bảo đảm sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang CNXH trong một tương lai gần" (V.I.Lênin, 2005).

Sự sụp đổ của hệ thống các nước XHCN vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước cũng đồng thời là sự sụp đổ của mô hình kinh tế dựa trên cơ sở đề cao chế độ sở hữu công cộng, trong khi tìm cách thu hẹp và loại bỏ các loại hình sở hữu khác, trong đó có sở hữu tư nhân và chế độ kinh tế tư nhân, điều này buộc phải có sự thay đổi căn bản tư duy và nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân ngay trong các nước này.

Ở Việt Nam, sau khi công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc giành độc lập kết thúc (từ tháng 5 năm 1954 ở miền Bắc và sau tháng 4 năm 1975 ở miền Nam), do nhận thức kinh tế tư nhân cản trở công cuộc xây dựng CNXH, đã có một thời kỳ dài tiến hành việc cải tạo XHCN rộng khắp đối với các thành phần kinh tế phi XHCN, cụ thể là kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế TBCN nói riêng. Ngoài một số doanh nghiệp tư bản tư nhân lớn bị quốc hữu hóa, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tư nhân đều phải chịu sự cải tạo để nhanh chóng chuyển thành các doanh nghiệp công tư hợp doanh. Trong nông nghiệp, sản xuất của nông dân cá thể bị xóa bỏ trên diện rộng bằng tiến trình hợp tác hóa "làm chung, hưởng chung". Các hộ thủ công và buôn bán nhỏ cũng được đưa vào tổ hợp tác. Đặc biệt, chủ trương xóa bỏ thương

ng nghiệp tư nhân dẫn tới thực tế là một thời gian dài chỉ còn thương nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã mua bán thống trị lĩnh vực lưu thông, phân phối. hoặc công tư hợp doanh.

Khẳng định: “Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được những thắng lợi quan trọng”, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, năm 1960 đã nêu ra những con số mang tính tổng kết đáng chú ý sau đây: “55 % số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 4 % vào hợp tác xã bậc cao; 67 % lao động thủ công được tổ chức thành các tổ hợp tác; một nửa số người buôn bán nhỏ đã hoạt động trong các tổ hợp tác và hợp tác xã định lãi, định lương, đã có 5,5 % người chuyển sang sản xuất; số hộ công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đi vào công tư hợp doanh chiếm 97,2 % tổng số hộ tư sản ở miền Bắc” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2025)

Điều này cho thấy chủ trương của Đảng ngay từ đầu ưu tiên cho việc xây dựng và phát triển các loại hình kinh tế tập thể và quốc doanh, trong khi đó thu hẹp, loại bỏ nhanh chóng các thành phần kinh tế tư nhân không phù hợp với phương hướng phát triển XHCN.

Tại Đại hội Đảng lần thứ 4, tiến hành năm 1976 ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chủ trương nhanh chóng cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân, đặc biệt là kinh tế tư bản tư nhân theo con đường XHCN một lần nữa lại được áp dụng tại miền Nam - nơi đã từng có một thời gian dài phát triển nền kinh tế thị trường tự do, với sự trợ giúp mọi mặt của người Mỹ. Điều này được thể hiện rõ trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ 4: “Kinh tế quốc doanh ở miền Nam bao gồm những xí nghiệp quan trọng nhất trong công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, vận tải, xây dựng cơ bản, ngân hàng, ngoại thương... Phải bằng mọi cách làm cho kinh tế quốc doanh trung ương và địa phương ở miền Nam lớn mạnh mau chóng, chiếm ưu thế trong sản xuất và lưu thông, phân phối. Đối với các xí nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành sớm cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng con đường công tư hợp doanh hoặc bằng cách hướng dẫn, quản lý sản xuất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước... Xóa bỏ ngay thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trên cơ sở phát triển mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tiêu thụ” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2025).

Mặc dù có quyết tâm rất lớn của Đảng, nền kinh tế vẫn gặp muôn vàn khó khăn. Sản xuất đình trệ vì thiếu vốn, trang thiết bị kỹ thuật và nguyên, vật liệu, sản phẩm làm ra ít về số lượng và nghèo nàn về mẫu mã, chủng loại. Trong lưu thông, chỉ còn nhà nước vận hành qua hệ thống thương nghiệp quốc doanh, chủ yếu làm nhiệm vụ phân phối hàng hóa, tầng lớp tiểu thương và buôn bán nhỏ hầu hết đều bị xóa bỏ hoặc bị đưa vào các hợp tác xã mua bán. Thêm vào đó, đất nước phải chịu tác động to lớn của bao vây, cấm vận từ các nước phương Tây..., tất cả những điều này đã tạo nên một bức tranh kinh tế ảm đạm kéo dài hàng chục năm với những thời kỳ suy thoái, khủng hoảng cùng tình trạng đói kém, thiếu thốn nghiêm trọng trong đời sống chung của toàn xã hội.

Bất chấp những sự hạn chế đó, kinh tế tư nhân vẫn tồn tại và vẫn có sự phản kháng để khẳng định mình, dù chỉ là yếu ớt. Nhưng chính sự phản kháng đó lại đưa đến một kết quả quan trọng - làm thay đổi dần nhận thức của những người quản lý kinh tế, thậm chí từ những người có trách nhiệm cao nhất đối với thành phần kinh tế này, góp phần dẫn tới quan điểm "Đổi mới" tại Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1986. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, bắt đầu từ hình thức "khoán chui" xuất hiện ở Vĩnh Phú từ những năm 1965 - 1966, ở Hải Phòng (1967) và một vài nơi khác, mặc dù bị phê phán, ngăn cản, đã dần dần hình thành một thay đổi trong nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp mà Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban bí thư và sau đó là Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 05/04/1988 về đổi mới quản lý nông nghiệp có thể coi là những bước đột phá tư duy công khai đầu tiên. Từ bước đột phá này, quan điểm về kinh tế tư nhân ở Việt Nam từng bước thay đổi và ngày càng thay đổi căn bản - từ chỗ khẳng định sự tồn tại bên cạnh các thành phần kinh tế khác, kinh tế tư nhân dần dần được nhìn nhận có địa vị bình đẳng và có vai trò quan trọng trong một nền kinh tế nhiều thành phần và đến nay đã chính thức được thừa nhận trở thành một động lực quan trọng nhất đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân trong Nghị quyết 68 ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị!

3.1.1. Điềm lại con đường đổi mới nhận thức về kinh tế tư nhân qua các kỳ Đại hội Đảng

Cần khẳng định, Nghị quyết 68 của Bộ chính trị không phải một sản phẩm tư duy xuất hiện ngay tại thời điểm này, mà là kết tinh những thay đổi liên tục trong nhận thức của Đảng về kinh tế tư nhân, thông qua những trải nghiệm nghiêm túc, thận trọng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và được tổng kết qua từng thời kỳ phát triển của đất nước, trong đó không ít thời kỳ phải chứng kiến nền kinh tế bên bờ vực đỉnh trệ, khủng hoảng và suy thoái, đặc biệt trong những năm của “đêm trước đổi mới” đầu thập niên 80 của thế kỷ trước. Dấu mốc quan trọng cho một bước chuyển nhận thức diễn ra tại Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986). Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng những sai lầm về chính sách kinh tế trước đó, Đại hội đã nêu vấn đề “kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2006), lần đầu tiên nhấn mạnh việc dứt khoát từ bỏ tư duy lỗi thời trong quản lý kinh tế, cũng có thể coi là sự mở đường cho việc hình thành một nền kinh tế có nhiều thành phần thay cho nền kinh tế hoàn toàn do Nhà nước thống trị. Tuy nhiên, quán tính cũ vẫn tồn tại không dễ thay đổi một sớm một chiều, Đại hội VI vẫn đặt ưu tiên cho việc “thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, cơ chế mới lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ, quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2006), vẫn coi kinh tế tư nhân chỉ có thể tồn tại ở dạng cá thể hoặc gia đình được khuyến khích phát triển, kinh tế tư bản tư nhân được phép phát triển ở một số ngành nghề và chịu sự cải tạo từng bước. Đặc biệt, Đại hội VI vẫn đặt mục tiêu “Xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2006), điều này cho thấy mặc dù đã thừa nhận sự tồn tại của nó, Đảng vẫn chưa thật sự đặt kinh tế tư nhân vào đúng vị trí quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế đang cần đổi mới toàn diện.

Phải từ Đại hội lần thứ VII (tháng 6/1991) trở đi, vấn đề kinh tế tư nhân mới được nhìn nhận khoa học và đúng với tư duy đổi mới hơn. Đảng đã bắt đầu khẳng định: “Kinh tế cá thể... được phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không bị hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, tham gia các loại hình hợp tác xã, liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2007).

Đặc biệt, quan điểm về kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa đã có bước chuyển biến căn bản, thể hiện rõ trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII. “Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần tư bản nhà nước” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2016).

Đây có thể xem là một sự nhìn nhận trực diện về vai trò của kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa nói riêng như một thành phần kinh tế không thể thiếu bên cạnh kinh tế nhà nước vẫn được coi là có vai trò chủ đạo. Việc chuyển từ lối quản lý kinh tế theo kiểu “hành chính cho phép” sang “tự do ngoài vùng cấm của luật pháp” thể hiện bước chuyển biến nhận thức căn bản trong tư duy làm luật, hoàn toàn phù hợp với chủ trương khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong giai đoạn này.

Các Đại hội Đảng lần thứ VIII (tháng 6/1996) và IX (tháng 4/2001) tiếp tục khẳng định quan điểm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với tư tưởng coi trọng sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế khác nhau, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để kinh tế tư nhân hoạt động và cạnh tranh đầy đủ ngay cả với kinh tế nhà nước. Đặc biệt, tại Đại hội IX, Đảng đã có cách nhìn nhận thực tế hơn về những hạn chế của kinh tế nhà nước. Trong khi xác định kinh tế Việt Nam phát triển theo mô hình “thị trường định hướng XHCN” và dành cho kinh tế nhà nước vai trò chủ đạo, Đảng đã phát hiện những điểm yếu kém của khu vực kinh tế nhà nước so với khu vực tư nhân như kém năng động, sử dụng nguồn lực không hiệu quả, tình trạng bao cấp và bảo hộ còn nặng, đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí, năng suất lao động thấp, khả năng cạnh tranh kém và tính chất quan liêu nặng nề trong quản lý điều hành... Điều này chứng tỏ cách nhìn của Đảng về kinh tế tư nhân đã có thay đổi rõ rệt hơn trước, không những không còn tư tưởng kỳ thị nặng nề, trái lại đã nhận thấy những ưu việt của kinh tế tư nhân mà nếu phát huy những thế mạnh đó, kinh tế tư nhân hoàn toàn có thể đóng vai trò quan trọng lớn hơn nữa trong sự phát triển toàn bộ nền kinh tế đất nước. Mặc dù vẫn kỳ vọng vào việc xây dựng và phát triển các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế lớn của nhà nước, Đảng cũng đã mạnh dạn hướng các doanh nghiệp nhà nước sang mô hình quản lý tiến bộ mà tư nhân từ lâu đã làm tốt – đó là hình thức quản lý công ty.

Nghị quyết phát triển kinh tế của Đại hội IX viết: “Đổi mới cơ chế quản lý, phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Chuyển các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật; xoá bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2016).

Về kinh tế tư nhân, Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm mở rộng và khuyến khích khu vực này phát triển một cách mạnh mẽ bằng cách bảo đảm cho khu vực kinh tế quan trọng này các quyền tự do kinh doanh, bình đẳng trong cạnh tranh, đặc biệt mở rộng lĩnh vực đầu tư, phạm vi đầu tư, huy động vốn, hợp tác và liên kết với các thành phần khác trong nền kinh tế: “Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân một cách rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà luật pháp không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý, để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động liên doanh liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước” (Văn kiện Đảng toàn tập, 2016).

Như vậy, có thể thấy kể từ khi tiến hành đổi mới từ đại hội VI, mỗi kỳ Đại hội lại cho thấy thay đổi rõ rệt trong nhận thức của Đảng về vai trò của kinh tế tư nhân mà quan trọng nhất là đặt thành phần kinh tế này vào tư thế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh với chính kinh tế nhà nước, bảo đảm cho thành phần kinh tế này những quyền cơ bản như tự chủ, tự do kinh doanh, quyền tiếp cận vốn và các nguồn lực khác, tạo nên một bức tranh tổng thể về nền kinh tế đất nước sống động, đa dạng và hoàn thiện hơn trong sự thừa nhận của luật pháp.

Tiếp tục quá trình thay đổi tư duy nhận thức, tại Đại hội lần thứ X diễn ra vào tháng 4/2006, Đảng chính thức xác định mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều thành phần kinh tế tham gia là đặc trưng căn bản của nền kinh tế Việt Nam. Với nhận thức kinh tế tư nhân “có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế” (Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, 2019).

Tại Đại hội này, Đảng nêu lên chủ trương: “Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn. Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; thực sự bình đẳng, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh được tiếp cận các nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng của Nhà nước, kể cả quỹ hỗ trợ phát triển; được đáp ứng thuận lợi nhu cầu sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần” (Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, 2019).

Đặc biệt, đề cao vấn đề thu hút tất cả mọi người vào sản xuất, kinh doanh làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội, Đảng đã thể hiện một bước đi mạnh dạn chưa từng có là cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân. Lần đầu tiên trong các văn kiện chính thức của Đảng, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân được dứt khoát khẳng định không trái với Điều lệ Đảng, hoàn toàn phù hợp với tư tưởng tự do làm kinh tế, tự do kinh doanh được luật pháp thừa nhận và bảo vệ đối với tất cả mọi công dân một cách bình đẳng. “Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban chấp hành Trung ương (Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, 2019). Đây cũng có thể xem là quyết định gỡ bỏ nút thắt cuối cùng trong việc giải phóng nhận thức về kinh tế tư nhân mà nếu không giải quyết nó, tư duy phát triển kinh tế tư nhân vẫn chỉ loay hoay vì bị kìm hãm trong giới hạn chật hẹp, loại bỏ quyền kinh doanh chính đáng đối với một bộ phận lớn nhân lực - hàng triệu đảng viên trước đó vẫn bị đặt ra ngoài guồng máy hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế. Chính bước ngoặt nhận thức này ngay sau đó đã góp phần tạo ra một tầng lớp doanh nhân mới chỉ trong một thời gian ngắn lớn mạnh rất nhanh, có đủ khả năng vươn lên làm giàu và đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân mà trong số đó, không ít người là những đảng viên cộng sản. Cũng từ đây, tiếng nói của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng có trọng lượng không nhỏ tác động đến luật pháp, các chính sách, giải pháp kinh tế chung của Nhà nước và cho tới nay, có thể khẳng định một nguồn lực lớn của khu vực kinh tế tư nhân đã được huy động mạnh mẽ vào việc đầu tư phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm và đi đầu trong lĩnh vực đổi mới công nghệ, đóng góp tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP và tăng trưởng kinh tế quốc gia – một xu hướng phát triển không

thể đảo ngược. Sau Đại hội X, vấn đề Đảng viên làm kinh tế tư nhân còn tiếp tục được thảo luận và quy định rõ rệt hơn trong các chỉ thị, hướng dẫn của Ban bí thư và được Hội nghị Trung ương 3 (khóa X) ban hành thành văn bản tại Quyết định 15-QĐ/TW ngày 28/08/2006. Bước chuyển biến này cũng làm thay đổi quan điểm trong vấn đề tiêu chuẩn trở thành Đảng viên được ghi trong Điều lệ Đảng, trong đó cụm từ “không tham gia bóc lột” đã không còn xuất hiện.

Các Đại hội XI (2011), XII (2016) và XIII (2021) tiếp tục thể hiện sự nhất quán với quan điểm đã được Đảng khẳng định về tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế tư nhân trong sự phát triển kinh tế chung của đất nước. Một lần nữa, Đảng đặt ra nhiều quyết tâm chiến lược dứt khoát và cụ thể.

Tiếp tục coi kinh tế tư nhân là một động lực của nền kinh tế, nhận thấy sức mạnh và khả năng to lớn của khu vực này đối với tổng thể nền kinh tế, Đảng chủ trương tạo mọi điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, thể hiện rõ trong quan điểm sau đây: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế” (Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, 2019).

Tuy vậy, Đảng cũng chỉ rõ một thực tế đã tồn tại nhiều năm là mặc dù quan điểm nhận thức đã thay đổi nhanh chóng, quyết tâm chiến lược từ Trung ương rất cao, song do sức ì tư duy còn lớn, năng lực của cán bộ quản lý các cấp, các ngành còn yếu, tầm nhìn của doanh nhân còn hạn chế, những chuyển biến trong sự phát triển của kinh tế tư nhân chưa thật sự tạo ra đột biến như mong đợi, mặt khác “chưa có đột phá về thể chế để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường” (Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới. 2019). Bản thân các doanh nghiệp tư nhân chưa vượt qua được những hạn chế về quy mô, về khả năng đổi mới công nghệ

và nâng cao năng suất lao động, chưa vươn lên tầm cỡ khu vực và thế giới tương xứng với tiềm năng của mình. Thực tế này đòi hỏi Đảng phải có một quyết tâm mới, một tầm nhìn mới. Và điều đó đã được thể hiện tại Đại hội lần thứ XIV vừa diễn ra tháng 1/2026!

3.1.3. Bước chuyển căn bản nhận thức và hành động về phát triển kinh tế tư nhân trong Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng

Hơn nửa năm trước khi diễn ra Đại hội lần thứ XIV, ngày 4 tháng 5 năm 2025, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Đây là lần đầu tiên có một Nghị quyết riêng của Bộ Chính trị về vấn đề này, đủ thấy tầm quan trọng của kinh tế tư nhân trong nhận thức của Đảng lớn như thế nào, có thể tương đương khi so sánh với một số Nghị quyết riêng về kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể từng có trước đây. Chính tinh thần và nội dung Nghị quyết 68 đã đi vào cả Báo cáo chính trị, cả Chương trình hành động của Ban chấp hành Trung ương nhằm thực hiện Nghị quyết chung của Đại hội XIV (tháng 1/2026) như một thành phần cốt lõi của đường lối phát triển kinh tế Việt Nam trong nhiều năm trước mắt. Bên cạnh việc nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Đảng đặt ra yêu cầu “phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia” (Bộ chính trị. 2025), đưa kinh tế tư nhân lên hàng động lực, hơn nữa còn là động lực quan trọng nhất, cũng có thể hiểu là từ nay, nền kinh tế quốc gia phát triển nhanh mạnh thế nào, chất lượng ra sao, khả năng hội nhập và cạnh tranh với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới rộng rãi và hiệu quả đến đâu sẽ phụ thuộc rất lớn vào sự lớn mạnh của khu vực kinh tế tư nhân với tư cách là một động lực quan trọng nhất. Dựa theo nội dung, có thể tóm tắt bước chuyển căn bản về nhận thức và hành động của Đảng trong Nghị quyết 68 qua một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, vấn đề cơ sở thực tiễn của nhận thức

Nhận thức của Đảng dựa trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển của kinh tế tư nhân hiện nay với 940 nghìn doanh nghiệp và 5 triệu hộ kinh doanh, đóng góp khoảng 50 % vào tăng trưởng GDP, giải quyết việc làm cho 82 % tổng số lao động, đóng góp hơn 30 % vào thu Ngân sách nhà nước. Không chỉ có vậy, kinh tế tư nhân còn thể hiện là khu vực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và góp phần xóa đói giảm nghèo một cách ấn tượng. Như vậy, phát triển kinh

tế tư nhân không còn đơn giản chỉ dừng lại ở mong muốn, chủ trương mang tính chủ quan, mà đã thực sự đi vào đường lối phát triển kinh tế chung của Đảng khi nó đã hiện rõ là một sức mạnh thực tế không thể bị xem nhẹ.

Thứ hai, vấn đề khắc phục những rào cản kìm hãm sự phát triển của kinh tế tư nhân

Ở Việt Nam hiện nay, kinh tế tư nhân đang gặp hàng loạt khó khăn, trở ngại như quy mô chủ yếu là vừa và nhỏ; tiềm lực tài chính và trình độ quản trị yếu kém; thiếu kết nối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài; thiếu tầm nhìn chiến lược trong tư duy kinh doanh và đặc biệt là những vướng mắc, bất cập về thể chế, pháp luật, hạn chế về khả năng tiếp cận nguồn lực, nhất là vốn, công nghệ, đất đai và nhân lực chất lượng cao... Như vậy, để cho kinh tế tư nhân phát triển đúng với kỳ vọng của Đảng, phải có sự thay đổi căn bản từ cả 2 phía: năng lực của các chủ thể kinh tế tư nhân và vai trò của Nhà nước. Giải quyết vấn đề này trước hết đòi hỏi tính chủ động, sáng tạo, khát khao vươn lên của các chủ doanh nghiệp tư nhân, tầm nhìn xa và dài hạn của từng chủ thể, khả năng sáng tạo và áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại, khả năng liên kết và hội nhập quốc tế sâu rộng... - những điều mà không ai có thể làm thay cho họ. Tuy vậy, vấn đề thay đổi thể chế, trước hết là thể chế kinh tế được đặc biệt nhấn mạnh trong Nghị quyết 68 cho thấy với vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo lập và bảo đảm môi trường phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp không ngừng lớn mạnh cả về quy mô, tầm vóc và sức mạnh, nếu Nhà nước không có đột phá trong các vấn đề xây dựng luật pháp, chính sách điều tiết vĩ mô thông qua các công cụ tài khóa và tiền tệ nhằm khai thông những bế tắc cản trở hoạt động của các doanh nghiệp thì mong muốn phát triển doanh nghiệp tư nhân thành động lực quan trọng nhất vẫn sẽ không thể trở thành hiện thực. Các lãnh đạo cao nhất của Đảng từng nhiều lần nói tới thể chế như một điểm nghẽn của điểm nghẽn, điều đó cho thấy tính chất cấp bách của việc Nhà nước phải thay đổi mạnh dạn hơn nữa, thay đổi thường xuyên hơn nữa cách thức điều hành hoạt động của mình hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như phát triển lĩnh vực kinh tế tư nhân nói riêng.

Thứ ba, vấn đề về quan điểm chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân. Đây là lần đầu tiên Nghị quyết của Đảng xác định "kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững” (Bộ chính trị, 2025). Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, Đảng khẳng định: cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, “kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi ngu cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng” (Bộ chính trị, 2025). Như thế, với Nghị quyết 68, kinh tế tư nhân từ thành phần kinh tế có vai trò quan trọng đã vươn lên thành một động lực quan trọng nhất, điều này cho thấy sự thay đổi căn bản trong nhận thức của Đảng, một sự thay đổi cũng có thể xem là động lực quan trọng nhất thúc đẩy trong thời gian tới những hành động thực tế nhằm đưa kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Tất nhiên, thách thức sẽ là không nhỏ, song con đường thì không thể đảo ngược khi hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, ở đó kinh tế tư nhân, trong đó có kinh tế tư nhân TBCN được trông đợi sẽ mang tới phần đóng góp rất lớn và xứng đáng.

Thứ tư, vấn đề về mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị chỉ rõ những mục tiêu cụ thể cần đạt được trong 2 giai đoạn, thể hiện khát vọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân thành một khu vực có sức mạnh to lớn, xứng đáng là một động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc gia:

- Giai đoạn đến 2030: Phấn đấu tăng trưởng nhanh về số lượng doanh nghiệp với tốc độ tăng trưởng bình quân 10 - 12 %/năm; số lượng doanh nghiệp là 2 triệu, đạt mức 20 doanh nghiệp/người dân, trong đó có 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; đóng góp 55 - 58 % GDP, 35 - 40 % tổng thu Ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 84 – 85 % tổng số lao động, năng suất lao động tăng bình quân 8,5 - 9,5 % hàng năm.

Đây là một mục tiêu lớn đòi hỏi phải có những quyết sách cụ thể, những hành động cụ thể quyết liệt, đặc biệt từ phía Nhà nước và các cấp, các ngành. Chưa nói tới việc phát triển các doanh nghiệp lớn tầm cỡ toàn cầu, riêng việc tăng số lượng doanh nghiệp từ 940 nghìn hiện nay lên 2 triệu chỉ sau 4 năm nữa đã là một vấn đề rất lớn, một bài toán khó đòi hỏi phải có một sự bùng nổ thật sự về chủ trương khuyến khích, nâng đỡ và hỗ trợ thật sự hiệu quả nhằm thu hút mọi nguồn lực của xã hội, của nhân dân đầu tư vào việc thành lập doanh nghiệp mới, bảo đảm quyền lợi của người lao động, trong đó đặc

biệt là quyền lợi liên quan đến tiền lương, nhà ở, bảo hiểm và phúc lợi lâu dài cho người lao động.

- Giai đoạn đến 2045: Phần đầu có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong nền kinh tế, đóng góp trên 60 % GDP, phát triển nhanh, mạnh, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao và chủ động tham gia chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu.

Có thể hiểu giai đoạn này là giai đoạn chú trọng việc nâng cao chất lượng của khu vực kinh tế tư nhân. Việc phát triển số lượng doanh nghiệp không còn là ưu tiên hàng đầu và có lẽ gia tăng thêm 1 triệu doanh nghiệp trong khoảng thời gian 15 năm không còn là một bài toán khó. Thay vào đó, đòi hỏi doanh nghiệp phát triển nhanh, mạnh, bền vững lại trở nên một mục tiêu, một nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều. Để có những doanh nghiệp mạnh bền vững, cần phải có một đội ngũ doanh nhân giỏi, những nhà quản lý có khát vọng, có kiến thức sâu rộng và tầm nhìn xa mang tính chiến lược, một đội ngũ công nhân có tay nghề vững vàng và sáng tạo đóng góp xứng đáng vào việc phát triển doanh nghiệp, sẵn sàng cùng doanh nghiệp vượt qua mọi thử thách, khó khăn để vươn lên. Một doanh nghiệp mạnh còn là một doanh nghiệp có khả năng hợp tác với nhiều doanh nghiệp khác, nhất là với các doanh nghiệp nước ngoài, có năng lực cạnh tranh cao không chỉ trong thị trường nội địa mà còn cả ở tầm khu vực và quốc tế. Cuối cùng, một doanh nghiệp không thể phát triển mạnh và bền vững nếu không thật sự chủ động tham gia chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thể hiện giá trị đầy tiềm năng không thể phủ nhận của thương hiệu Việt Nam trong nền kinh tế thế giới.

Thứ năm, vấn đề về nhiệm vụ - giải pháp phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị đề cao việc thống nhất nhận thức trong tư duy và hành động của toàn Đảng và toàn xã hội nhằm phát huy vai trò của kinh tế tư nhân; tập trung tháo gỡ các rào cản về thể chế, luật pháp và chính sách đang kìm hãm sự phát triển của kinh tế tư nhân; bảo vệ các quyền hợp pháp về tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng trong cạnh tranh và tăng cường kết nối với các thành phần kinh tế khác, quyền thực thi hợp đồng; quyền được tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực quốc gia, đặc biệt là các nguồn lực đất đai, vốn, công nghệ và nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy việc hình thành các doanh nghiệp lớn và vừa có quy mô, tầm cỡ khu vực và quốc tế, đồng thời hỗ trợ, nâng đỡ các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh cùng phát triển trong một môi trường kinh tế xanh, kinh tế số.

Tại Đại hội lần thứ XIV, những nội dung căn bản của Nghị quyết 68 đã được thể hiện nhiều lần trong Diễn văn khai mạc của Tổng bí thư, trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, trong Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng XHCN trong 40 năm qua ở Việt Nam, trong Chương trình hành động của Ban chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và trong Nghị quyết chung của Đại hội. Nếu phải chọn ra điểm thay đổi mang tính bước ngoặt về nhận thức của Đảng ở thời điểm này thì có thể khẳng định đó chính là quan điểm coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhìn lại lịch sử phát triển lâu dài của nhận thức này cũng như quá trình trăn trở, đấu tranh với tư duy mang tính cứng nhắc, giáo điều, những ấn tượng xấu và thái độ tiêu cực đối với kinh tế tư nhân tồn tại trong suốt nhiều thập niên qua cùng những lo ngại đề cao thành phần kinh tế này có thể làm chệch hướng phát triển theo con đường phát triển XHCN của đất nước, nhận thức của Nghị quyết 68 của Bộ chính trị và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng về kinh tế tư nhân, đặc biệt việc coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất thật sự là bước tiến lớn hoàn toàn phù hợp với sự phát triển của lý luận và thực tiễn Việt Nam.

3.2. Thảo luận

Kỷ nguyên vươn mình của đất nước đòi hỏi phải có những thay đổi không chỉ trong tư duy, mà cả trong hành động thực tiễn. Bằng việc điểm lại quá trình đổi mới nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế tư nhân trong hơn 60 năm qua, bài viết muốn khẳng định bản lĩnh chính trị của Đảng luôn được thể hiện trước những thời điểm mang tính chất cách mạng. Nghị quyết 68 của Bộ chính trị là đỉnh cao của tư duy lý luận, là bước ngoặt nhận thức của Đảng về vấn đề phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Điểm mới của bài viết là không nghiên cứu Nghị quyết 68 một cách độc lập, mà đặt nó ở điểm cao nhất trong các nấc thang của quá trình nhận thức luôn biến đổi về kinh tế tư nhân trong suốt hơn 60 năm qua của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết cũng gợi ý rằng nhận thức dù quan trọng đến đâu cũng không thể thay thế cho hành động thực tiễn để biến nhận thức đó thành các chủ trương, chính sách cụ thể trợ giúp kinh tế tư nhân phát triển, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả trong lĩnh vực thể chế chung của Nhà nước. Cuối cùng, bài viết cũng thể hiện mong muốn là bên cạnh

cố gắng tự thân mang tính quyết định của các doanh nghiệp, rất cần sự góp sức đồng lòng của các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng nhằm đạt được những mục tiêu cao nhất mà Nghị quyết 68 đã đề ra cho giai đoạn đến 1930, tầm nhìn đến 1945!

4. Kết luận

Lịch sử gần 100 năm của Đảng cộng sản Việt Nam đã nhiều lần chứng kiến những bước ngoặt không chỉ về hành động cách mạng thực tiễn, mà còn cả về nhận thức lý luận, thể hiện sự trưởng thành và lớn mạnh không ngừng của Đảng trong vai trò lãnh đạo - nhân tố bảo đảm cho mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế tư nhân ở Việt Nam, đặc biệt là kinh tế tư bản tư nhân từ chỗ bị bác bỏ, kỳ thị, tìm mọi cách cải tạo và xóa bỏ đến chỗ dần dần được nhìn nhận là một thành phần kinh tế tồn tại và có mối quan hệ cạnh tranh, hợp tác bình đẳng với các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, lại được thừa nhận là động lực quan trọng, hơn nữa còn là động lực quan trọng trọng nhất - đó là một sự chuyển biến căn bản trong tư duy lý luận của Đảng. Những quan điểm đổi mới nhận thức mang tính chất bước ngoặt về phát triển kinh tế tư nhân trong Nghị quyết 68 của Bộ chính trị thêm một lần khẳng định sự trưởng thành về bản lĩnh chính trị, góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của Đảng trên hành trình dẫn dắt cả dân tộc xây dựng một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và phát triển toàn diện. Với tinh thần đổi mới để tiến về phía trước, được sự cổ vũ của Nghị quyết 68, với quyết tâm chính trị của Đảng và hành động tích cực của mỗi người, chúng ta không chỉ hy vọng, mà còn đặt niềm tin vững chắc vào tương lai phát triển của đất nước như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIV đã khẳng định: "... thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội" (Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026)./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân. Truy cập ngày 24/4/2026 từ <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-102250505122337909.htm>
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 47. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trang 902.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 51. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, trang 25, 164.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 60. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trang 261, 138, 190.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới - Phần II (Đại hội X, XI, XII). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trang 103, 209, 254, 416, 644.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 14. Cổng thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, trang 5.
7. V.I.Lênin. (2005). Toàn tập, Tập 43. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, trang 266, 268.